| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2022/LĐ-ST
Ngày: 29-9-2022.
V/v Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Như Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Quốc Trọng;
2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án lao động thụ lý số 14/2020/TLST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2022/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 12/25/13 Khu phố 1, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 54 đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Văn bản ủy quyền được Văn phòng Công chứng Bình Thạnh chứng nhận số công chứng: 19285, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/9/2020)*

- ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần S.

Trụ sở: Tầng 12, Tháp A2 Viettel Tower, số 285 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27 Đường số 6, Khu dân cư Hà Đô, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Văn bản ủy quyền số 12/GUQ/2021 ngày 02/12/2021)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Trần Văn S có ông Đỗ Quốc Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/01/2017, ông S ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S (sau đây gọi là Công ty ICC) làm công việc lập trình viên với mức lương là 4.550.000 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Sau khi hợp đồng lao động hết hạn, ông S không ký thêm hợp đồng lao động khác mà vẫn tiếp tục làm việc theo nội dung hợp đồng lao động đã ký ngày 01/01/2017.

Sau quá trình làm việc, do nhận thấy công việc không còn phù hợp nên ngày 03/02/2020, ông S đã gửi Đơn xin nghỉ việc và được Công ty ICC chấp nhận cho ông S nghỉ việc từ ngày 14/3/2020. Trong thời gian chuẩn bị nghỉ việc, ông S đã bàn giao công việc theo yêu cầu của Công ty ICC. Tuy nhiên, Công ty ICC chưa giao cho ông S Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động; chưa thanh toán tiền lương còn thiếu; chốt, trả sổ bảo hiểm xã hội và biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho ông S.

Ngày 08/5/2020, ông S nộp đơn đề nghị hòa giải tranh chấp lao động đến phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - Ủy ban nhân dân Quận 10. Tại buổi hòa giải ngày 18/5/2020, ông S và đại diện của Công ty ICC cùng các hòa giải viên thống nhất phương án giải quyết như sau:

*"1/ Ngày thứ 5 (21/5/2020) Cty ICC sẽ đưa QĐ chấm dứt HĐLĐ & biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho ông S tại văn phòng Cty ICC.*

*2/ Về tiền lương: Cty ICC sẽ chia làm 3 đợt thanh toán, cụ thể:*

- *25/5/2020: thanh toán 25 triệu*
- *25/6/2020: thanh toán 25 triệu*
- *25/7/2020: thanh toán 26 triệu*

*→ Cty ICC sẽ thanh toán sớm hơn nếu có thể*

*3/ Về chốt sổ BHXH: Cty sẽ chốt trả cho ông S chậm nhất là 01/8/2020"*

Tuy nhiên, đến nay ông S chỉ nhận được 20.000.000 đồng tiền lương. Ngoài ra, ông S chưa nhận được các quyền lợi khác theo thỏa thuận nêu trên. Do vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty ICC giao cho ông Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động; biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; chốt, trả sổ bảo hiểm xã hội và thanh toán tiền lương còn thiếu là 56.000.000 đồng.

*2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại văn bản ngày 19/9/2022, bị đơn Công ty ICC có bà Trần Thị Bích N đại diện trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương: Công ty ICC đồng ý thanh toán số tiền nợ lương là 56.000.000 đồng cho ông S.

- Đối với yêu cầu giao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: Công ty ICC đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với ông S, đề nghị ông S liên hệ với Công ty ICC để nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với yêu cầu chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội: Công ty ICC đã chốt sổ bảo hiểm cho ông S và đã được cấp tờ rời quá trình đóng bảo hiểm xã hội, đề nghị ông S liên hệ với Công ty ICC để nhận bản chính tờ rời quá trình đóng bảo hiểm xã hội.

- Đối với yêu cầu giao biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân: Công ty ICC đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân cho toàn thể lao động của Công ty, đề nghị ông S liên hệ với Cơ quan thuế để đối chiếu và xin xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân. Công ty ICC không có trách nhiệm phải cung cấp chứng từ khấu trừ cho ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Thông tư 111/2013/TT-BTC *"Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ"*.

*3. Tại phiên tòa:*

+ Ngày 21/9/2022, ông Đỗ Quốc Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông S nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty ICC giao cho ông S biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Đỗ Quốc Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Trần Thị Bích N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do bị đơn thống nhất và đồng ý đối với các yêu cầu về chấm dứt hợp đồng lao động, về tiền lương và chốt, trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, nên đề nghị chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn.

Do nguyên đơn rút yêu cầu về việc giao biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, nên đề nghị đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S yêu cầu Công ty ICC trả tiền lương còn thiếu, chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội là quan hệ tranh chấp lao động. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc đại diện tham gia tố tụng:

Xét, Văn bản ủy quyền được Văn phòng Công chứng Bình Thạnh chứng nhận số công chứng: 19285, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/9/2020 của ông Trần Văn S ủy quyền cho ông Đỗ Quốc Đ là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, Văn bản ủy quyền số 12/GUQ/2021 ngày 02/12/2021 của Công ty ICC ủy quyền cho bà Trần Thị Bích N là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Xét, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng lao động số 010/01/2017/HĐLĐ-ICC VN ngày 01/01/2017 giữa Công ty ICC với ông Trần Văn S, có cơ sở xác định hai bên ký kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Bộ luật Lao động. Sau khi hợp đồng lao động hết hạn, giữa nguyên đơn và bị đơn không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng đã giao kết trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Bộ luật Lao động.

[4.1] Xét, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giao biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn giao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: Căn cứ lời khai thống nhất của hai bên đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Công ty ICC và ông S đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, từ ngày 14/3/2020. Tuy nhiên, Công ty ICC chưa giao Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cho ông S. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 34 của Bộ luật Lao động quy định về chấm dứt hợp đồng lao

động, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng lao động số 010/01/2017/HĐLĐ-ICC VN ngày 01/01/2017 giữa Công ty ICC với ông Trần Văn S chấm dứt, từ ngày 14/3/2020.

[4.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền tương: Xét, Công ty ICC thừa nhận và đồng ý thanh toán số tiền lương còn thiếu là 56.000.000 đồng cho ông S, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Đối với yêu cầu chốt, trả sổ bảo hiểm xã hội: Theo tài liệu ghi quá trình đóng BHXH do Công ty ICC nộp cho Tòa án, thể hiện: Công ty ICC có đăng ký tham gia BHXH cho ông S tại Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp với mã số 4102002257 từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2019, với mức lương là 4.550.000 đồng và từ tháng 01/2020 đến tháng 02/2020, với mức lương là 4.750.000 đồng. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: *"Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động",* nên yêu cầu của ông S có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 3 Điều 34; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

**Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần S giao cho ông Trần Văn S biên lai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Xác định Hợp đồng lao động số 010/01/2017/HĐLĐ-ICC VN ngày 01/01/2017 giữa Công ty cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC với ông Trần Văn S chấm dứt, từ ngày 14/3/2020.

Buộc Công ty cổ phần S thanh toán số tiền lương còn nợ là 56.000.000 (*năm mươi sáu triệu*) đồng cho ông Trần Văn S.

Buộc Công ty cổ phần S phải trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn S.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

**3.** Án phí lao động sơ thẩm là 1.680.000 đồng, Công ty cổ phần S chịu.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5**. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án đối với các đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Như Nhiên**